

7 TENSES IN ENGLISH

	PRESENT (hiện tại)	PAST (quá khứ)	FUTURE (tương lai)
	↓	↓	↓
Simple (các thì đơn)	(+) (-) (?)	(+) (-) (?)	(+) (-) (?)
Progressive (tiếp diễn)	(+) (-) (?)	(+) (-) (?)	
Perfect (hoàn thành)	(+) (-) (?)	(+) (-) (?)	